

DANH MỤC THUỐC SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN NĂM 2026 LẦN 2
(Đính kèm Quyết định số 135/QĐ-BVTM, ngày 14/5/2026 của Bệnh Viện Tim Mạch An Giang)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
1	Vinlido 200mg	Lidocain hydroclodrid	200mg/ 10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vi x 5 Ống x 10 ml	36 tháng	893110456223	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	3.000	15.000	45.000.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HÙNG THỊNH	279/QĐ-BVAG
2	Lidocain	Lidocain hydroclorid	40mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 100 ống x 2ml	36 tháng	893110688924	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	9.600	467	4.483.200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	279/QĐ-BVAG
3	Lidogel 2%	Lidocain hydroclodrid	2%, 10g	Dùng ngoài	Gel bôi niêm mạc	Hộp 1 tuýp x 10g	36 tháng	893100546224 (VD-32933-19)	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Tuýp	40	39.890	1.595.600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO	279/QĐ-BVAG
4	Zodalan	Midazolam	5mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	36 tháng	893112265523	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Ống	2.500	17.500	43.750.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	279/QĐ-BVAG
5	Fresofol 1% MCT/LCT	Propofol	1% (10mg/ml)	Tiêm	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 5 ống 20ml	36 tháng	VN-17438-13	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Ống	60	30.200	1.812.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
6	Seaoflura	Sevofluran	250ml	Đường hô hấp	Dung dịch gây mê đường hô hấp	Hộp 1 chai 250ml	60 tháng	001114017424 (VN-17775-14)	Piramal Critical Care, Inc	USA	Chai	30	1.548.750	46.462.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	279/QĐ-BVAG
7	Noveron	Rocuronium bromid	10mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 12 lọ x 5ml	24 tháng	VN-21645-18	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Lọ	45	46.500	2.092.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG
8	Japrox	Loxoprofen	60mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vi x 10 viên nén	48 tháng	VN-15416-12	Daiichi Sankyo Propharma Co., Ltd., Hiratsuka Plant đóng gói: OLIC (Thailand) Limited.	Nhật Bản đóng gói Thái Lan.	Viên	8.000	4.620	36.960.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
9	Mobexicam 10mg/ml	Meloxicam	10mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 1 vi x 5 ống (1,5ml)	60 tháng	529110434025	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	Ống	560	18.200	10.192.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM	279/QĐ-BVAG
10	Meloxicam 7,5	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên	36 tháng	893110080524	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	Viên	21.000	58	1.218.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
11	Propain	Naproxen	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	60 tháng	529110023623	Remedica Ltd	Cyprus	Viên	22.000	4.560	100.320.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẬT ANH	279/QĐ-BVAG
12	Paracetamol 10mg/ml	Paracetamol	10mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 48 túi 100ml	36 tháng	893110055900	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	Túi	1.200	8.190	9.828.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRƯỜNG KHANG	279/QĐ-BVAG
13	PARTAMOL TAB.	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	60 tháng	893100156725 (VD-23978-15)	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	30.000	480	14.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN SANTAV	279/QĐ-BVAG
14	Paracetamol 500 mg	Paracetamol (acetaminophen)	500 mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893100357823	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	133.000	150	19.950.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	279/QĐ-BVAG
15	Algostase Mono 500 mg	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Uống	Viên nén sủi	Hộp 1 Tuýp x 16 Viên	24 tháng	540100430425	SMB Technology S.A.	Belgium	Viên	9.900	2.310	22.869.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC TUỆ NAM	279/QĐ-BVAG
16	Fremedol 650	Paracetamol (acetaminophen)	650mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	VD-36006-22	Công ty Cổ phần Dược phẩm Fremed	Việt Nam	Viên	84.000	425	35.700.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED	279/QĐ-BVAG
17	Pharbacol	Paracetamol (acetaminophen)	650mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 5 viên	36 tháng	893100076524 (VD-24291-16)	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	Viên	70.000	950	66.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MKT	279/QĐ-BVAG
18	Codalgin Forte	Paracetamol + codein phosphat	500mg + 30mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vi x 10 viên	36 tháng	VN-22611-20	Aspen Pharma Pty Ltd	Australia	Viên	5.000	3.300	16.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẬT ANH	279/QĐ-BVAG
19	Algotra 37,5mg/325mg	Paracetamol + tramadol	325mg + 37,5mg	Uống	Viên nén sủi	Hộp 1 tuýp 20 viên	18 tháng	VN-20977-18	S.M.B Technology SA	Belgium	Viên	15.000	8.800	132.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH	279/QĐ-BVAG
20	Angut 300	Allopurinol	300mg	Uống	Viên nén	hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110477824	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên	21.000	680	14.280.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	279/QĐ-BVAG
21	Otibone 1000	Glucosamin	1000mg	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 30 gói x 3,8g	36 tháng	893100101124 (VD-20178-13)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Gói	100.000	4.000	400.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN NHÂN	279/QĐ-BVAG
22	Otibone 1500	Glucosamin	1500mg	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 30 gói x 3,8g	36 tháng	893100101224	Công ty cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Gói	36.000	4.500	162.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NGUYỄN DƯƠNG	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
23	Statripsine	Alpha chymotrypsin	4,2mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vi x 10 viên	36 tháng	893110352523	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	2.900	780	2.262.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	279/QĐ-BVAG
24	Thelizin	Alimemazin	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Chai 500 viên	36 tháng	893100288523	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	2.600	59	153.400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
25	Clorpheniramin KP 4mg	Chlorpheniramin	4mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên	36 tháng	893100204325 (VD-34186-20)	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	1.000	22	22.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
26	Hadunalin 1mg/ml	Adrenalin	1mg/1ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 50 ống x 1ml	24 tháng	893110151100	Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Ống	40.000	1.048	41.920.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
27	Adrenalin 5 mg/5 ml	Epinephrin (adrenalin)	5mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vi x 5 ống x 5ml	24 tháng	893110200523	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	2.000	25.000	50.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	279/QĐ-BVAG
28	Bivixifen 60	Fexofenadin	60mg	Uống	Viên nén bao phim	Chai 200 viên	36 tháng	893100952424	Công ty TNHH Dược phẩm BV pharma	Việt Nam	Viên	40.000	208	8.320.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THÁI	279/QĐ-BVAG
29	Bivixifen 120	Fexofenadin	120mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893100165923	Công ty TNHH Dược phẩm BV pharma	Việt Nam	Viên	5.000	380	1.900.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THÁI	279/QĐ-BVAG
30	Bivixifen 180	Fexofenadin	180mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893100255324	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	Viên	8.000	500	4.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THÁI	279/QĐ-BVAG
31	Pipolphen	Promethazin hydroclorid	50mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 100 ống x 2ml	60 tháng	VN-19640-16	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Ống	100	15.000	1.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	279/QĐ-BVAG
32	Growpone 10%	Calci gluconat	10% 10 ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống	36 tháng	VN-16410-13	Farmak Joint Stock Company	Ukraine	Ống	1.700	14.600	24.820.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TRÍ	279/QĐ-BVAG
33	Sodium Bicarbonate Renaudin 8,4%	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	0,84g/ 10ml	Tiêm	dung dịch tiêm truyền	Hộp 2 vi x 5 ống x 10ml	60 tháng	300110402623 (VN-17173-13)	Laboratoire Renaudin	Pháp	Ống	16.000	23.000	368.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN EUTICAL	279/QĐ-BVAG
34	A.T Noradrenaline 1mg/ml	Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	2mg/2ml	Tiêm	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống x 2ml	24 tháng	893110361624	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	2.000	31.500	63.000.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
35	Noradrenaline Kalceks 1mg/ml concentrate for solution for infusion	Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	1mg/1ml;4ml	Tiêm	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền	Hộp 5 ống, 10 ống x 4ml	18 tháng	858110353424	Cơ sở sản xuất, đóng gói, kiểm nghiệm: HBM Pharma S.R.O. ; Cơ sở xuất xưởng: Joint Stock Company “Kalceks”	Sản xuất, đóng gói, kiểm nghiệm: Slovakia ; Xuất xưởng: Latvia	Ống	6.000	30.500	183.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HIỆP BÁCH NIÊN	279/QĐ-BVAG
36	Seladrenalin	Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	1mg/1ml; 4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 4ml	24 tháng	868110427523	Osel İlaç San. Ve Tic. A.Ş.	Turkey	Ống	2.000	23.478	46.956.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM NGỌC THIÊN	279/QĐ-BVAG
37	Pamintu 10mg/ml	Protamine sulfate	10mg/ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm tĩnh mạch	Hộp 1 lọ 5ml	36 tháng	2742/QLD-KD	Onko İlaç Sanayive Ticaret A.S.	Turkey	Lọ	390	198.450	77.395.500	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	279/QĐ-BVAG
38	SaVi Gabapentin 300	Gabapentin	300mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VD-24271-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	81.000	800	64.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	279/QĐ-BVAG
39	Valproat EC DWP 500mg	Valproat natri	500mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 6 vi x 10 viên	36 tháng	893114287124	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	Viên	15.000	2.478	37.170.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM STABLED	279/QĐ-BVAG
40	Vigentin 500/125 DT.	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg + 125mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 2 vi x 7 viên	24 tháng	893110820224 (VD-30544-18)	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Viên	10.000	8.879	88.790.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN PHÚ NAM	279/QĐ-BVAG
41	Augxicine 1g	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 7 viên Hộp 10 vi x 10 viên	24 tháng	VD-35048-21	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Viên	30.000	1.890	56.700.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	279/QĐ-BVAG
42	Iba-Mentin 1000mg/62,5 mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	1000mg + 62,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 7 viên	24 tháng	893110270900 (VD-28065-17)	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương I- Pharbaco	Việt Nam	Viên	10.000	15.981	159.810.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
43	Ama-Power	Ampicilin + Sulbactam	1g + 0,5g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 50 lọ	36 tháng	VN-19857-16	S.C. Antibiotice S.A.	Romania	Lọ	1.000	61.700	61.700.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	279/QĐ-BVAG
44	Auropennz 1.5	Ampicilin + sulbactam	1g + 0,5g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	36 tháng	890110068823 (VN-17643-14)	Aurobindo Pharma Limited	India	Lọ	1.000	39.984	39.984.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NAM KHANG	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
45	Mecefex-B.E 250 mg	Cefixim	250mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vi x 10 viên	42 tháng	893110182124 (VD-29378-18)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Viên	10.000	9.900	99.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	279/QĐ-BVAG
46	Fordamet 1g	Cefoperazon	1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	24 tháng	893710958224	(Cơ sở nhận chuyển giao công nghệ): Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	Lọ	5.000	54.000	270.000.000	CÔNG TY TNHH SK QUỐC TẾ	279/QĐ-BVAG
47	Cefoperazone 1000	Cefoperazon	1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, 10 lọ	24 tháng	VD-35037-21	Công ty Cổ phần dược phẩm Tenamyl	Việt Nam	Lọ	5.000	42.000	210.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM 1A VIỆT NAM	279/QĐ-BVAG
48	Ceraapix 2g	Cefoperazon	2g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	36 tháng	VD-35594-22	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Lọ	5.000	89.000	445.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	279/QĐ-BVAG
49	Sulraapix	Cefoperazon + sulbactam	0,5g + 0,5g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 01 lọ ; Hộp 10 lọ	36 tháng	893110242900 (VD-22285-15)	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Lọ	10.000	40.000	400.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC HỒNG LỘC PHÁT	279/QĐ-BVAG
50	Buflan 2g	Cefoperazon + sulbactam	1g + 1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	24 tháng	893610358324	(Cơ sở nhận gia công): Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	Lọ	12.000	184.000	2.208.000.000	CÔNG TY TNHH SK QUỐC TẾ	279/QĐ-BVAG
51	Sulraapix 2g	Cefoperazon + sulbactam	1g + 1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 01 lọ, Hộp 10 lọ	36 tháng	VD-35471-21	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Lọ	18.000	73.999	1.331.982.000	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm 3A	279/QĐ-BVAG
52	Cefpirom 1g	Cefpirom	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ x 1g; Hộp 10 lọ x 1g	24 tháng	893110737424	Chi nhánh 3 - Công ty CPDP Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	3.000	124.995	374.985.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT ÂU	279/QĐ-BVAG
53	TV-Zidim 1g	Ceftazidim	1000mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	36 tháng	893110083625	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Lọ	5.000	9.479	47.395.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	279/QĐ-BVAG
54	Ceftrione 1g	Ceftriaxon	1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	36 tháng	893110122825 (VD-28233-17)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Lọ	14.000	5.586	78.204.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	279/QĐ-BVAG
55	Tenamyl-ceftriaxone 2000	Ceftriaxon	2000 mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	24 tháng	VD-19450-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyl	Việt Nam	Lọ	4.000	28.600	114.400.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HELIOS	279/QĐ-BVAG
56	Cefuroxim 500	Cefuroxim	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110282123	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Viên	15.000	1.885	28.275.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BENOVAS	279/QĐ-BVAG
57	Cefuroxim 500	Cefuroxim	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110282123	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Viên	15.000	1.885	28.275.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BENOVAS	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
58	Vicimlastatin 500mg	Imipenem + cilastatin*	250mg + 250mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, Hộp 5 lọ, Hộp 10 lọ	36 tháng	893110297700 (VD-28695-18)	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	Việt Nam	Lọ	2.100	61.200	128.520.000	Công ty TNHH Dược phẩm Nufamed	279/QĐ-BVAG
59	Tazopelin 4,5g	Piperacilin + tazobactam	4g + 0,5g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	24 tháng	VD-20673-14	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Lọ	400	56.700	22.680.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	279/QĐ-BVAG
60	Amikacin 1000mg/4ml	Amikacin	1000mg/4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 01 vi x 5 ống x 4ml	24 tháng	VD-35677-22	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	ống	4.000	36.800	147.200.000	CÔNG TY CỔ PHẦN AFP GIA VŨ	279/QĐ-BVAG
61	Amikacin 250mg/100ml	Amikacin	250mg/100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 20 túi 100ml, hộp 1 túi 100ml	36 tháng	893110165523	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Việt Nam	Túi	2.000	33.999	67.998.000	CÔNG TY TNHH BIDIVINA	279/QĐ-BVAG
62	Gentamicin 80mg/2ml	Gentamicin	80mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml Hộp 100 ống x 2ml	36 tháng	893110684224	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Ống	500	1.019	509.250	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	279/QĐ-BVAG
63	Metronidazole /Vioser	Metronidazol	500mg/100ml	Tiêm	Dung dịch truyền	Chai 100ml	36 tháng	VN-22749-21	Vioser S.A Parenteral Solutions Industry	Hy Lạp	Chai	1.000	17.000	17.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG	279/QĐ-BVAG
64	Metronidazole 0,5g/100ml	Metronidazol	500mg/100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 40 túi 100ml	36 tháng	VD-34057-20	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	Túi	3.000	5.500	16.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRƯỜNG KHANG	279/QĐ-BVAG
65	Metronidazol	Metronidazol	250mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên	36 tháng	893115886624	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	4.000	115	460.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
66	Ciprofloxacin Polpharma	Ciprofloxacin	200mg/100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 túi PE 100ml	24 tháng	590115079823	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Ba Lan	Túi	24.000	36.435	874.440.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG
67	Ciprofloxacin IMP 200mg/100ml	Ciprofloxacin	200mg/100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 10 túi x 1 chai 100ml	24 tháng	VD-35583-22	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Phẩm Imexpharm - Nhà máy Công nghệ cao Bình Dương	Việt Nam	Chai	17.000	34.881	592.977.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
68	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893115287023	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	26.000	709	18.434.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
69	BiveloX 1.V 500mg/100ml	Levofloxacin	500mg/100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml	36 tháng	VD-33729-19	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Chai	2.500	13.881	34.702.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	279/QĐ-BVAG
70	Levogolds	Levofloxacin	750mg/150ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Túi nhôm chứa 1 túi truyền PVC chứa 150ml dung dịch	36 tháng	VN-18523-14	InfoRLife SA.	Switzerland	Túi	4.200	240.000	1.008.000.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN MAI	279/QĐ-BVAG
71	Goldquino 5mg/ml Injection	Levofloxacin	750mg/150ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Thùng carton 10 Túi x 150ml	24 tháng	880115332025	JW Life Science Corporation	Korea	Túi	4.200	142.800	599.760.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGỌC LAN	279/QĐ-BVAG
72	Levofloxacin 500mg	Levofloxacin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 05 viên	36 tháng	VD-35819-22	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	14.000	699	9.786.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
73	Coli-Swiss	Colistin*	1MIU	Tiêm	Thuốc bột pha dung dịch tiêm truyền hoặc hít qua đường hô hấp	Hộp 1 lọ	36 tháng	890114966224	Swiss Parenterals Ltd.	Ấn Độ	Lọ	200	254.000	50.800.000	CÔNG TY TNHH UNITED PHARMA	279/QĐ-BVAG
74	Colistin 2 MIU	Colistin*	2MIU	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ, 5 lọ, 10 lọ	24 tháng	VD-35189-21	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Imexpharm - Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	Việt Nam	Lọ	200	598.000	119.600.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN MAI	279/QĐ-BVAG
75	Nirzolid	Linezolid*	600mg/300ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 chai x 300ml	24 tháng	VN-22054-19	Aculife Healthcare Private Limited	Ấn Độ	Chai	1.440	93.000	133.920.000	Công ty TNHH Dược phẩm PND	279/QĐ-BVAG
76	Teikopol 400mg Powder and Solvent for Solution for I.M./I.V. Injection	Teicoplanin*	400mg	Tiêm	Bột đông khô và dung môi pha tiêm	Hộp chứa 1 lọ bột đông khô và 1 ống dung môi	24 tháng	868115426923	Cơ sở sản xuất và đóng gói: Aroma Ilac San. Ltd. Şti (Cơ sở xuất xưởng lô và kiểm nghiệm: Polifarma Ilac San. ve Tic. A.Ş)	Thổ Nhĩ Kỳ	Lọ	800	351.950	281.560.000	CÔNG TY TNHH UNITED PHARMA	279/QĐ-BVAG
77	Voxin	Vancomycin	1g	Tiêm	Bột đông khô để pha dung dịch truyền	Hộp 1 lọ	24 tháng	520115991224	Vianex S.A-Plant C'	Hy Lạp	Lọ	1.200	93.975	112.770.000	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC AN MÔN	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
78	FLOTRAL	Alfuzosin	10mg	Uống	Viên nén giải phóng có kiểm soát	Hộp 1 vi x 10 viên	24 tháng	890110437523	Sun Pharmaceutical Industries Limited	India	Viên	30.000	6.594	197.820.000	CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG DANH	279/QĐ-BVAG
79	Fezidat	Sắt fumarat + acid folic	305mg + 0,35mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	893100716824 (VD-31323-18)	Công ty cổ phần liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Việt Nam	Viên	20.000	630	12.600.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM STABLED	279/QĐ-BVAG
80	Folihem	Sắt fumarat + Acid folic	310mg + 0,35mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	VN-19441-15	Remedica Ltd	Cyprus	Viên	12.000	3.000	36.000.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
81	Gemapaxane	Enoxaparin natri	4000IU/0,4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	24 tháng	800410092123	Italfarmaco S.p.A	Ý	Bơm tiêm	15.000	70.000	1.050.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG
82	Gemapaxane	Enoxaparin natri	6000IU/0,6ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	24 tháng	800410092023	Italfarmaco S.p.A	Ý	Bơm tiêm	20.000	95.000	1.900.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG
83	Heparin Sodium Panpharma 5000 IU/ml	Heparin (natri)	5000IU/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 25 lọ x 5ml	60 tháng	400410303124	Panpharma GmbH	Đức	Lọ	2.000	199.500	399.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	279/QĐ-BVAG
84	Vaxcel Heparin Sodium Injection 5000IU/ml	Heparin (natri)	25000 IU/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 5ml	36 tháng	QLSP-1093-18	Kotra Pharma (M) Sdn.Bhd	Malaysia	Ống	1.000	120.950	120.950.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	279/QĐ-BVAG
85	Vitamin K1 10mg/1ml	Phytomenadion (vitamin K1)	10mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	36 tháng	VD-18191-13	Công ty cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Ống	1.000	11.998	11.998.000	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm 3A	279/QĐ-BVAG
86	MEDSAMIC 250MG/5ML	Tranexamic acid	250mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 2 vi x 5 ống dung dịch tiêm	60 tháng	VN-20801-17	Medochemie Ltd -Ampoule Injectable Facility	Cyprus	Ống	200	12.197	2.439.400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	279/QĐ-BVAG
87	Albumorm 20%	Albumin	10g/50ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ x 50ml	36 tháng	400410646324 (QLSP-1129-18)	Cơ sở sản xuất bán thành phẩm đóng gói cấp 1 và xuất xưởng lô: Octapharma Produktionsgesellschaft Deutschland mbH; Cơ sở đóng gói cấp 2: Octapharma Dessau GmbH	Germany	Lọ	200	725.000	145.000.000	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	279/QĐ-BVAG
88	Albutein 25%	Albumin	0,25g/ml (25%)	Tiêm truyền	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 50ml	36 tháng	VN-16274-13	Grifols Biologicals LLC	Mỹ	Chai	200	987.610	197.522.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
89	Diltiazem STELLA 60 mg	Diltiazem	60mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	48 tháng	893110337323	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	60.000	1.300	78.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	279/QĐ-BVAG
90	Tilhasan 60	Diltiazem	60mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110617524	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	200.000	630	126.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	279/QĐ-BVAG
91	Iminitrat 10	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 03 vi, 06 vi x 30 viên	24 tháng	893110285925	Nhà máy 2 công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	viên	70.000	1.700	119.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHO VIỆT	279/QĐ-BVAG
92	Imidu 60 MG	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	60mg	Uống	viên nén tác dụng kéo dài	Hộp 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên	60 tháng	893110617324	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	200.000	2.478	495.600.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	279/QĐ-BVAG
93	Imidu 60 MG	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	60mg	Uống	viên nén tác dụng kéo dài	Hộp 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên	60 tháng	893110617324	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	100.000	2.478	247.800.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT (Tên mới: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÙNG NHẤT)	279/QĐ-BVAG
94	Nitbiru 10mg	Nicorandil	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 6 vi x 10 viên	36 tháng	893110281624	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	Viên	40.000	3.360	134.400.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ 2B	279/QĐ-BVAG
95	Vartel 20mg	Trimetazidin	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 30 viên	36 tháng	893110073324 (VD-25935-16)	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	140.000	600	84.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	279/QĐ-BVAG
96	Hismedan	Trimetazidin	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 30 vi x 20 viên, vi nhôm/PVC	36 tháng	VD-18742-13	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	100.000	129	12.900.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
97	SaVi Trimetazidine 35MR	Trimetazidin	35mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	893110543124	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	240.000	419	100.560.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	279/QĐ-BVAG
98	Vashasan MR	Trimetazidin	35mg	Uống	viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Hộp 3 vi, 6 vi x 30 viên	36 tháng	893110238024	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	630.000	350	220.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	279/QĐ-BVAG
99	Vashasan MR	Trimetazidin	35mg	Uống	viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Hộp 3 vi, 6 vi x 30 viên	36 tháng	893110238024	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	900.000	350	315.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
100	Vastarel OD 80mg	Trimetazidin	80mg	Uống	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VN3-389-22	Egis Pharmaceuticals PLC (Đ/c: Production site of Körmend H-9900 Körmend Mátyas Király u 65, Hungary (Cơ sở đóng gói: Egis Pharmaceuticals PLC; Địa chỉ: Production site of Bökényföld, H-1165 Budapest Bökényföldi út 118-120, Hungary) - Hungary)	Hungary	Viên	500.000	5.410	2.705.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
101	A.T Adenosine 3mg/ml	Adenosin triphosphat	3mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống x 2ml	24 tháng	893110265524	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	200	799.999	159.999.800	Công ty Cổ Phần Thương Mai Dược Phẩm 3A	279/QĐ-BVAG
102	Aharon 150 mg/3 ml	Amiodarone hydrochloride	150mg/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 3ml	36 tháng	893110226024	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ống	3.000	24.000	72.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY THỊNH	279/QĐ-BVAG
103	Amiodarona GP	Amiodaron hydroclorid	200mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vi x 10 viên	36 tháng	VN-23269-22	Medinfar Manufacturing S.A.	Portugal	Viên	20.000	6.550	131.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC MỸ PHẨM AN PHÁT	279/QĐ-BVAG
104	AMIDOROL	Amiodaron hydroclorid	200mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	893110368523 (VD-26972-17)	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Viên	30.000	2.500	75.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	279/QĐ-BVAG
105	Amiodaron DWP 200mg	Amiodaron hydroclorid	200mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vi x 10 viên	24 tháng	893110251424	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	Viên	40.000	1.869	74.760.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM STABLED	279/QĐ-BVAG
106	Kavasdin 5	Amlodipin	5mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên, chai nhựa HDPE	36 tháng	VD-20761-14	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	500.000	105	52.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
107	Kavasdin 5	Amlodipin	5mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên, chai nhựa HDPE	36 tháng	VD-20761-14	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	200.000	105	21.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
108	Amlodipine STELLA 10 mg	Amlodipin	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110389923	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	100.000	645	64.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	279/QĐ-BVAG
109	Amaloris 5mg/10mg	Amlodipin + atorvastatin	5mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	383110181023	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	viên	3.000	8.800	26.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG HÒA	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
110	Amdepin Duo	Amlodipin + Atorvastatin	5mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	890110002724	Cadila Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	Viên	90.000	3.700	333.000.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
111	Toduet 5mg/20mg	Amlodipin + atorvastatin	5mg + 20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	893110367524	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Việt Nam	Viên	60.000	7.450	447.000.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
112	Troysar AM	Amlodipin + losartan	5mg + 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	24 tháng	VN-23093-22	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	India	Viên	300.000	5.460	1.638.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH ANH	279/QĐ-BVAG
113	Lisonorm	Amlodipine + Lisinopril	5mg+10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VN-22644-20	Gedeon Richter Plc	Hungary	Viên	350.000	6.100	2.135.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	279/QĐ-BVAG
114	Apisicar 5/10	Amlodipin + lisinopril	5mg + 10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	893110051025	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	Viên	100.000	3.550	355.000.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
115	Natrixam 1.5mg/5mg	Amlodipin + indapamid	5mg + 1,5mg	Uống	Viên nén giải phóng kiểm soát	Hộp 6 vi x 5 viên	24 tháng	300110029823	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	180.000	4.987	897.660.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
116	Natrixam 1.5mg/10mg	Amlodipin + indapamid	10mg + 1,5mg	Uống	viên nén giải phóng kiểm soát	Hộp 6 vi x 5 viên	24 tháng	300110029723	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	103.000	4.987	513.661.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
117	TRIPLIXAM 5mg/1.25mg/5 mg	Amlodipin + indapamid + perindopril	5mg + 1,25mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ x 30 viên	24 tháng	VN3-11-17	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ailen	Viên	250.000	8.557	2.139.250.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
118	TRIPLIXAM 5mg/1.25mg/1 0mg	Amlodipin + indapamid + perindopril	10mg + 1,25mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ x 30 viên	24 tháng	VN3-10-17	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ailen	Viên	144.000	8.557	1.232.208.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
119	Telmiam	Amlodipin + telmisartan	40mg + 5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên, hộp 6 vi x 10 viên, hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110238923	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	Viên	90.000	6.760	608.400.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY	279/QĐ-BVAG
120	Wamlox 5mg/80mg	Amlodipin + valsartan	5mg + 80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 xi x 14 viên	36 tháng	383110181323	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	viên	90.000	8.900	801.000.000	CÔNG TY TNHH PHÚC KHÔI NGUYỄN	279/QĐ-BVAG
121	Erafiq 5/80	Amlodipin + valsartan	5mg + 80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 03 vi, 05 vi, 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110755924	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	90.000	3.255	292.950.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT (Tên mới: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÙNG NHẤT)	279/QĐ-BVAG
122	Exforge HCT 5mg/160mg/1 2.5mg	Amlodipin + valsartan + hydrochlorothiazid	5mg + 160mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vi x 7 viên	24 tháng	840110079223 (VN-19289-15)	Siegfried Barbera, S.L.	Tây Ban Nha	Viên	15.000	18.107	271.605.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
123	Exforge HCT 10mg/160mg/12.5mg	Amlodipin + valsartan + hydrochlorothiazid	10mg + 160mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vi x 7 viên	24 tháng	840110032023 (VN-19287-15)	Siegfried Barbera, S.L.	Tây Ban Nha	Viên	15.000	18.107	271.605.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
124	Contisor 2.5	Bisoprolol	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên, hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110199323	Công ty Cổ phần Dược phẩm Fremed	Việt Nam	Viên	1.000.000	315	315.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED	279/QĐ-BVAG
125	Agicardi 2,5	Bisoprolol	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VD-35788-22	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	3.800.000	58	220.400.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
126	Bisoprolol 5mg	Bisoprolol	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vi x 25 viên	24 tháng	590110024825	Lek S.A	Ba Lan	Viên	270.000	604	163.080.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
127	CONTISOR 5	Bisoprolol	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên, hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110199423	Công ty Cổ phần Dược phẩm Fremed	Việt Nam	Viên	200.000	384	76.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	279/QĐ-BVAG
128	Bihasal 5	Bisoprolol fumarat	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 05 vi x 10 viên	36 tháng	VD-34895-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	380.000	546	207.480.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	279/QĐ-BVAG
129	Agicardi 7,5	Bisoprolol	7,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110368225	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	186.000	798	148.428.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THẾ ANH	279/QĐ-BVAG
130	SaviProlol Plus HCT 5/6.25	Bisoprolol + hydrochlorothiazid	5mg + 6,25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VD-20814-14	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	viên	10.000	2.310	23.100.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MƯỜI THÁNG BA	279/QĐ-BVAG
131	Cilexkand 8 mg	Candesartan	8mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên, hộp 6 vi x 10 viên, hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110165023	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	Viên	620.000	3.890	2.411.800.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y.A.C	279/QĐ-BVAG
132	Candesartan 8	Candesartan	8mg	Uống	Viên nén	Hộp 50 vi x 10 viên	36 tháng	893110329500	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	745.000	323	240.635.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
133	SaVi Candesartan 12	Candesartan	12mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	893110056623	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	200.000	4.400	880.000.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC KHÁNH	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
134	Canasian 16mg	Candesartan	16mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vi x 14 viên	24 tháng	840110418025	Laboratorios Liconsa, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	650.000	5.999	3.899.350.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TAVO PHARMA	279/QĐ-BVAG
135	Guarente-16	Candesartan	16mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	893110152324	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	379.000	4.290	1.625.910.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
136	Nady-Candesartan 16	Candesartan	16mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	VD-35334-21	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Việt Nam	Viên	445.000	455	202.475.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	279/QĐ-BVAG
137	CKDCandemore Plus tab. 16/12.5mg	Candesartan; Hydrochlorothiazid	16mg+ 12,5mg	Uống	Viên nén	Lọ 30 viên	36 tháng	880110021423	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.	Hàn Quốc	Viên	300.000	3.940	1.182.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIẾN PHÁT	279/QĐ-BVAG
138	Nady-Candesartan HCT 16/12,5	Candesartan + hydrochlorothiazid	16mg; 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VD-35336-21	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Việt Nam	Viên	300.000	858	257.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	279/QĐ-BVAG
139	Mildocap	Captopril	25mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	594110027925 (VN-15828-12)	Arena Group S.A.	Romania	Viên	10.000	650	6.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC DƯỢC PHẨM ISAKA	279/QĐ-BVAG
140	Captopril STELLA 25 mg	Captopril	25mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110337223	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	20.000	450	9.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	279/QĐ-BVAG
141	Coryol 6.25mg	Carvedilol	6,25mg	Uống	Viên nén	Hộp 4 vi x 7 viên	36 tháng	VN-18274-14	KRKA, d.d., Novo Mesto	Slovenia	Viên	22.000	1.220	26.840.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NAM ĐỒNG	279/QĐ-BVAG
142	Coryol 12.5mg	Carvedilol	12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 4 vi x 7 viên	36 tháng	383110074523 (VN-18273-14)	KRKA, d.d., Novo Mesto	Slovenia	Viên	20.000	1.890	37.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NAM ĐỒNG	279/QĐ-BVAG
143	Esseil-5	Cilnidipin	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110434824 (VD-28905-18)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	50.000	4.500	225.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MKT	279/QĐ-BVAG
144	Atelec Tablets 10	Cilnidipin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	VN-15704-12	EA Pharma Co., Ltd.	Nhật	Viên	200.000	9.000	1.800.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG
145	Cilnistella 10	Cilnidipin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	24 tháng	893110239024	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	210.000	5.800	1.218.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	279/QĐ-BVAG
146	Meyernazid	Enalapril + hydrochlorothiazid	10mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110053500	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	Viên	42.000	1.323	55.566.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
147	Enap H 10mg/25mg	Enalapril + hydrochlorothiazid	10mg + 25mg	Uống	Viên nén	Hộp 02 vi x 10 viên	36 tháng	383110139323	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	Viên	30.000	5.500	165.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	279/QĐ-BVAG
148	Enamigal Plus 10/25	Enalapril + hydrochlorothiazid	10mg + 25mg	Uống	Viên nén	Hộp 03 vi, 05 vi, 10 vi x 10 viên	24 tháng	893110111525	Nhà máy 2 công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	viên	40.000	3.402	136.080.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHO VIỆT	279/QĐ-BVAG
149	Apitec 20 - H	Enalapril + hydrochlorothiazid	20mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vi x 10 viên	24 tháng	893110377924	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	Viên	200.000	3.000	600.000.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
150	Irbesartan	Irbesartan	150mg	Uống	Viên nén bao phim	Chai 500 viên	36 tháng	VD-35515-21	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	1.000.000	306	306.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
151	Am-Isartan	Irbesartan	150mg	Uống	Viên nén phân tán trong nước	Hộp 3 vi; 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110276300 (VD-34409-20)	Công ty liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	Viên	400.000	3.500	1.400.000.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
152	Ihybes 300	Irbesartan	300mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	893110145124	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	133.000	660	87.780.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
153	Tensiber Plus	Irbesartan + Hydrochlorothiazide	150mg +12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	383110528624 (VN-21323-18)	Lek Pharmaceuticals d.d	Slovenia	Viên	200.000	2.500	500.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC THUẬN GIA	279/QĐ-BVAG
154	Irbis Htz - 150/12.5	Irbesartan + Hydrochlorothiazid	150mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	890110331725	Hetero Labs Limited	Ấn độ	Viên	350.000	1.487	520.450.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	279/QĐ-BVAG
155	Coirbevel 150/12,5mg	Irbesartan + hydrochlorothiazid	150mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 02 vi x 14 viên; Hộp 10 vi x 14 viên	36 tháng	893110331423	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	140.000	3.087	432.180.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHO VIỆT	279/QĐ-BVAG
156	Ihybes-H 150	Irbesartan + hydrochlorothiazid	150mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên, 6 vi x 10 viên, 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110145224 (VD-25611-16)	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	200.000	420	84.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
157	Irbelorzed 300/25	Irbesartan + hydrochlorothiazid	300mg + 25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	893110073825	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	60.000	8.400	504.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA	279/QĐ-BVAG
158	Lacikez 4mg	Lacidipin	4mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 8 vi x 7 viên	24 tháng	590110425823	BIOFARM Sp. z o.o.	Ba Lan	viên	50.000	6.480	324.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	279/QĐ-BVAG
159	Zanedip 10mg	Lercanidipin hydroclorid	Lercanidipine HCl 10 mg tương ứng Lercanidipine 9,4 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 14 viên	36 tháng	VN-18798-15	Recordati Industria Chimica e Farmaceutica S.p.A.	Ý	Viên	10.000	8.500	85.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	279/QĐ-BVAG
160	Lercastad 10	Lercanidipin hydroclorid	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	36 tháng	VD-21101-14	Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	10.000	3.000	30.000.000	CÔNG TY TNHH MEDIST PHARMA	279/QĐ-BVAG
161	Kafedipin	Lercanidipin hydroclorid	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 30 viên	36 tháng	893110093300	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	10.000	666	6.660.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
162	SaVi Lisinopril 5	Lisinopril	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	893110030400	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (SAVIPHARM J.S.C)	Việt Nam	Viên	180.000	720	129.600.000	CÔNG TY TNHH ĐÔNG NAM PHARMA	279/QĐ-BVAG
163	A.T Lisinopril 5 mg	Lisinopril	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110208500 (VD-34121-20)	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	147.000	202	29.694.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ATIPHARM	279/QĐ-BVAG
164	Sarvetil	Lisinopril	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 6 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110373425	Công ty Cổ phần Dược phẩm Fremed	Việt Nam	Viên	100.000	1.070	107.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED	279/QĐ-BVAG
165	Lizetric 10mg	Lisinopril	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vi x 14 viên	36 tháng	893110832424 (VD-26417-17)	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	100.000	1.890	189.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM & THIẾT BỊ Y TẾ PHÚC LỘC	279/QĐ-BVAG
166	Tazenase	Lisinopril	20mg	Uống	Viên nén không bao	Hộp 4 vi x 14 viên	24 tháng	560110985724 (VN-21369-18)	Bluepharma Industria Farmaceutical, S.A	Bồ Đào Nha	Viên	20.000	3.550	71.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ THĂNG LONG SÀI GÒN	279/QĐ-BVAG
167	Sarvetil HCTZ 20/12.5	Lisinopril + hydrochlorothiazid	20mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110242725	Công ty Cổ phần Dược phẩm Fremed	Việt Nam	Viên	50.000	1.800	90.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
168	Nerazzu-25	Losartan	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110021400 (VD-27447-17)	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	1.200.000	335	402.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	279/QĐ-BVAG
169	Agilosart 25	Losartan	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi, 3 vi, 4 vi, 6 vi, 10 vi, 12 vi, 15 vi, 20 vi x 10 viên	24 tháng	VD-19311-13	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	400.000	90	36.000.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
170	Bivitanpo 50	Losartan	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	36 tháng	VD-35246-21	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	Viên	1.400.000	1.150	1.610.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV	279/QĐ-BVAG
171	Losartan	Losartan	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Chai 1000 viên	36 tháng	893110666324	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	200.000	136	27.200.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
172	SaVi Losartan plus HCT 50/12,5	Losartan + hydrochlorothiazid	50mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VD-20810-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	300.000	1.395	418.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM Savi	279/QĐ-BVAG
173	Agilosart-H 50/12,5	Losartan + Hydrochlorothiazid	50mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi, 5 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110255823	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	700.000	320	224.000.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
174	Agidopa	Methyldopa	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi, 3 vi, 4 vi, 5 vi, 6 vi, 7 vi, 10 vi, 12 vi, 14 vi, 15 vi, 20 vi x 10 viên	36 tháng	893110876924	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	10.000	620	6.200.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
175	Egilok	Metoprolol	25mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ 60 viên	36 tháng	VN-22910-21	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên	173.000	1.664	287.872.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	279/QĐ-BVAG
176	Betaloc Zok 25mg	Metoprolol	25mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 1 vi x 14 viên	36 tháng	VN-17243-13	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	3.000.000	4.389	13.167.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
177	Betaloc Zok 25mg	Metoprolol	25mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 1 vi x 14 viên	36 tháng	VN-17243-13	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	500.000	4.389	2.194.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
178	Dabilet	Nebivolol	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	893110448323	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	125.000	560	70.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	279/QĐ-BVAG
179	Bivolcard 5	Nebivolol	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VD-24265-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	29.000	1.590	46.110.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	279/QĐ-BVAG
180	Nicarlol 5	Nebivolol	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110588924	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	400.000	435	174.000.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
181	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	Nicardipin	10mg/10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 10ml	24 tháng	300110029523	Laboratoire Aguettant	Pháp	Ống	3.000	125.000	375.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG
182	Vincardipin	Nicardipin	10mg/10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vi x 5 ống x 10ml	24 tháng	893110448024	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	500	84.000	42.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	279/QĐ-BVAG
183	Nifedipin Hasan 20 Retard	Nifedipin	20mg	Uống	viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110458024	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	1.400.000	504	705.600.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT (Tên mới: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUNG NHẬT)	279/QĐ-BVAG
184	Nifedipin Hasan 20 Retard	Nifedipin	20mg	Uống	viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110458024	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	300.000	504	151.200.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT (Tên mới: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUNG NHẬT)	279/QĐ-BVAG
185	Coversyl 5mg	Perindopril	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 30 viên	36 tháng	VN-17087-13	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	750.000	5.028	3.771.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
186	Coversyl 10mg	Perindopril	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 30 viên	36 tháng	VN-17086-13	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	53.000	7.084	375.452.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
187	Viacoram 3.5mg/2.5mg	Perindopril + amlodipin	3,5mg + 2,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ x 30 viên	36 tháng	VN3-46-18	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ailen	Viên	360.000	5.960	2.145.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
188	Coveram 5mg/5mg	Perindopril + amlodipin	5mg + 5mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ x 30 viên	36 tháng	VN-18635-15	Servier Ireland Industries Ltd	Ailen	Viên	90.000	6.589	593.010.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
189	Coveram 5mg/10mg	Perindopril + amlodipin	5mg + 10mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ x 30 viên	36 tháng	VN-18634-15	Servier Ireland Industries Ltd	Ailen	Viên	52.000	6.589	342.628.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
190	Viacoram 7mg/5mg	Perindopril + amlodipin	7mg + 5mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ x 30 viên	36 tháng	VN3-47-18	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ailen	Viên	468.000	6.589	3.083.652.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
191	Coveram 10mg/10mg	Perindopril + amlodipin	10mg + 10mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ x 30 viên	36 tháng	VN-18632-15	Servier Ireland Industries Ltd	Ailen	Viên	55.000	10.123	556.765.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
192	Coversyl Plus Arginine 5mg/1.25mg	Perindopril + indapamid	5mg + 1,25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 30 viên	36 tháng	VN-18353-14	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	400.000	6.500	2.600.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
193	Ramistell 2.5	Ramipril	2,5mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 6 vi x 10 viên	24 tháng	893110256824	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	120.000	2.550	306.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	279/QĐ-BVAG
194	Torpac-5	Ramipril	5mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	24 tháng	890110083123	Torrent Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	Viên	22.000	2.120	46.640.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD	279/QĐ-BVAG
195	Mibetel 40 MG	Telmisartan	40mg	Uống	Viên nén	Hộp 03 vi, 05 vi, 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110059100 (VD-34479-20)	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	viên	100.000	1.344	134.400.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHO VIỆT	279/QĐ-BVAG
196	Telmisartan	Telmisartan	40mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên	36 tháng	VD-35197-21	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	100.000	129	12.900.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
197	Actelsar HCT 40mg/12,5mg	Telmisartan + Hydrochlorothiazid	40mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 02 vi x 14 viên	24 tháng	535110779924 (VN-21654-19)	Actavis Ltd.	Malta	Viên	34.000	8.700	295.800.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	279/QĐ-BVAG
198	Mibetel HCT	Telmisartan + hydrochlorothiazid	40mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 03 vi, 05 vi, 10 vi, 20 vi x 10 viên	36 tháng	893110409524	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	220.000	3.885	854.700.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT (Tên mới: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÙNG NHẤT)	279/QĐ-BVAG
199	Anvo-Telmisartan HCTZ 80/12,5mg	Telmisartan + hydrochlorothiazid	80mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 7 vi x 14 viên	36 tháng	840110178923	Laboratorios Liconsa, S.A.	Spain	Viên	40.000	14.700	588.000.000	CÔNG TY TNHH FIVE PHARMA	279/QĐ-BVAG
200	Misarven H 80/12.5	Telmisartan + hydrochlorothiazid	80mg + 12,5mg	Uống	Viên nén hai lớp không bao	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	890110192700	Inventia Healthcare Limited	Ấn Độ	Viên	30.000	4.473	134.190.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHÁNH MAI	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
201	Telzid 80/12.5	Telmisartan + hydrochlorothiazid	80mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vi x 10 viên	36 tháng	893110158424	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	30.000	1.134	34.020.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	279/QĐ-BVAG
202	ANVO-Telmisartan HCTZ 80/25mg	Telmisartan + hydrochlorothiazid	80mg + 25mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vi x 14 viên, Hộp 7 vi x 14 viên	36 tháng	840110417925	Laboratorios Licons, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	20.000	14.500	290.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TAVO PHARMA	279/QĐ-BVAG
203	ValtimAPC 80	Valsartan	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi, 3 vi, 10 vi x 10 viên	24 tháng	VD-35340-21	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	Viên	450.000	528	237.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A	279/QĐ-BVAG
204	Valsartan cap DWP 80mg	Valsartan	80mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 6 vi x 10 viên	24 tháng	VD-35593-22	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	Viên	300.000	1.995	598.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	279/QĐ-BVAG
205	Angioblock 160mg	Valsartan	160mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	GC-340-21	(Cơ sở nhận gia công): Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	Viên	50.000	5.500	275.000.000	CÔNG TY TNHH SK QUỐC TẾ	279/QĐ-BVAG
206	Hyvalor	Valsartan	160mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	VD-23417-15	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Viên	70.000	4.290	300.300.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG
207	ValtimAPC 160	Valsartan	160mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi, 3 vi, 10 vi x 10 viên	24 tháng	VD-35339-21	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	Viên	65.000	946	61.490.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A	279/QĐ-BVAG
208	Valsarfast Plus 80mg/12.5mg film-coated tablets	Valsartan + hydrochlorothiazid	80mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 14 viên	36 tháng	383110120424	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	70.000	8.800	616.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEDIPHARCO	279/QĐ-BVAG
209	Valsartan Plus DWP 120 mg/12,5 mg	Valsartan + hydrochlorothiazid	120mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	24 tháng	893110172723	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	Viên	100.000	2.499	249.900.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM STABLED	279/QĐ-BVAG
210	Digorich	Digoxin	0,25mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vi x 30 viên	36 tháng	VD-22981-15	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Việt Nam	Viên	80.000	628	50.240.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	279/QĐ-BVAG
211	Dobcard 250mg/20 ml	Dobutamin	250mg/20ml	Tiêm	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống 20ml	36 tháng	868110206523	VEM İlaç San. ve Tic. A.Ş	Thổ Nhĩ Kỳ	Ống	2.600	70.350	182.910.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	279/QĐ-BVAG
212	Dobutamin 250mg/50ml	Dobutamin	250mg/50ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 50ml	24 tháng	893110155723	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	Lọ	1.000	79.000	79.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ PHƯƠNG	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
213	Dopamine Renaudin 40mg/ml	Dopamin hydroclorid	200mg/ 5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 5ml	36 tháng	300110348224	Laboratoire Renaudin	Pháp	Ông	160	45.000	7.200.000	CÔNG TY CỔ PHẦN EUTICAL	279/QĐ-BVAG
214	Tadarix 5mg	Ivabradin	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 8 vi x 14 viên	24 tháng	840110181500	Laboratorios Liconsa, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	5.000	4.195	20.975.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TAVO PHARMA	279/QĐ-BVAG
215	Tadarix 7,5mg	Ivabradin	7,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 8 vi x 14 viên	24 tháng	840110181600	Laboratorios Liconsa, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	15.000	6.899	103.485.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TAVO PHARMA	279/QĐ-BVAG
216	Azenmarol 1	Acenocoumarol	1mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110257623	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	3.000.000	105	315.000.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
217	Aspirin MKP 81	Acetylsalicylic acid (DL-lysin-acetylsalicylat)	81mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 1 túi x 10 vi x 10 viên; Hộp 1 chai x 100 viên	24 tháng	893110234624	Công ty TNHH Mekophar	Việt Nam	Viên	300.000	340	102.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT QUỐC	279/QĐ-BVAG
218	Aspirin Vidipha 81	Acetylsalicylic acid (DL-lysin-acetylsalicylat)	81mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên Hộp 50 vi x 10 viên	24 tháng	893110102400	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Viên	400.000	48	19.320.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	279/QĐ-BVAG
219	Kaclocide	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	75mg + 75mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110272724	Công ty CP dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	75.000	810	60.750.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG HÒA	279/QĐ-BVAG
220	Clopiaspirin 75/100	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	100mg + 75mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	VD-34727-20	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	Viên	200.000	9.500	1.900.000.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
221	Actilyse	Alteplase	50mg	Tiêm	Bột đông khô và dung môi để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp gồm 1 lọ bột đông khô + 1 lọ nước cất pha tiêm	36 tháng	QLSP-948-16	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Lọ	650	10.830.000	7.039.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG
222	Apixa - 2.5	Apixaban	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	890110437823	Torrent Pharmaceuticals Limited	Ấn Độ	Viên	1.000	8.115	8.115.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
223	Eliquis	Apixaban	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 10 viên	36 tháng	539110436323	CSSX: Pfizer Ireland Pharmaceuticals - CSDG và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	CSSX: Ireland - CSDG và xuất xưởng: Đức	Viên	3.000	24.150	72.450.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
224	DogrelSaVi	Clopidogrel	75mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	893110393724	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	4.500.000	1.020	4.590.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	279/QĐ-BVAG
225	Clopidogrel 75	Clopidogrel	75mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 5 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110231425	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	10.000.000	190	1.900.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	279/QĐ-BVAG
226	Plavix	Clopidogrel	300mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VN-18879-15	SANOFI WINTHROP INDUSTRIE	Pháp	Viên	3.000	54.746	164.238.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	279/QĐ-BVAG
227	XERDOXO 10 MG	Rivaroxaban	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	383110184400	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	Viên	4.000	25.500	102.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHẠM	279/QĐ-BVAG
228	XERDOXO 15 MG	Rivaroxaban	15mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	383110184500	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	Viên	7.000	19.000	133.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHẠM	279/QĐ-BVAG
229	Statinagi 20	Atorvastatin	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110381424	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	13.000.000	94	1.222.000.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
230	Vaslor-40	Atorvastatin	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	36 tháng	893110807624	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	200.000	790	158.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	279/QĐ-BVAG
231	Atorvastatin 40	Atorvastatin	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 1 lọ 100 viên; Hộp 1 lọ 200 viên	36 tháng	893110586324 (VD-33344-19)	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	700.000	420	294.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	279/QĐ-BVAG
232	Ezeleta Tablet	Ezetimibe	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	60 tháng	VN-22950-21	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	20.000	10.850	217.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
233	Ridolip 10	Ezetimibe	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 03 vi, 05 vi, 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110409824	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	viên	80.000	3.990	319.200.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHO VIỆT	279/QĐ-BVAG
234	Fenofibrate tablets USP 145 mg	Fenofibrat	145mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	890110434723	Macleods Pharmaceuticals Limited	India	Viên	30.000	5.324	159.720.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ENDOPHACO	279/QĐ-BVAG
235	Atifibrate 145 mg	Fenofibrat	145mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi, 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên, vi Alu-PVC	36 tháng	893110025124	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiện	Việt Nam	Viên	30.000	2.500	75.000.000	CÔNG TY TNHH STAR LAB	279/QĐ-BVAG
236	Fenosup Lidose	Fenofibrat	160mg	Uống	Viên nang cứng dạng Lidose	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	540110076523	SMB Technology S.A	Bi	Viên	10.000	5.800	58.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	279/QĐ-BVAG
237	Lipanthyl 200M	Fenofibrat	200mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vi x 15 viên	36 tháng	VN-17205-13	Astrea Fontaine	Pháp	Viên	50.000	7.053	352.650.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
238	Fenbrat 200M	Fenofibrat	200mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 03 vi x 10 viên	36 tháng	893110398724 (VD-27136-17)	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế	Việt Nam	Viên	40.000	1.700	68.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MKT	279/QĐ-BVAG
239	Savi Gemfibrozil 600	Gemfibrozil	600mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 06 vi x 10 viên	36 tháng	893110293923	Công Ty CPDP Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	Viên	100.000	4.320	432.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM SAGORA	279/QĐ-BVAG
240	Agirovastin 20	Rosuvastatin	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	893110588424	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	500.000	445	222.500.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
241	Rosuvastatin 20	Rosuvastatin	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VD-35416-21	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	500.000	350	175.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	279/QĐ-BVAG
242	Simvastatin 20	Simvastatin	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	VD-35654-22	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	300.000	186	55.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	279/QĐ-BVAG
243	Nimotop	Nimodipin	30mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	48 tháng	VN-20232-17	Bayer AG	Đức	Viên	6.000	16.653	99.918.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
244	Omnipaque	Iohexol	647mg/ml (tương đương 300mg iod/ml) x 100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 chai 100ml	36 tháng	539110067223	GE Healthcare Ireland Limited	Ireland	Chai	1.400	433.310	606.634.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
245	Omnipaque	Iohexol	755mg/ml (tương đương 350mg iod/ml) x 100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 chai 100ml	36 tháng	539110067123	GE Healthcare Ireland Limited	Ireland	Chai	400	609.140	243.656.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
246	Povidon iodin 10%	Povidon iodin	10%/90ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Chai 90ml	36 tháng	893100900624 (VD-28005-17)	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Việt Nam	Chai	4.000	8.750	35.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	279/QĐ-BVAG
247	Vinzix	Furosemid	20mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vi x 10 ống x 2ml	36 tháng	893110305923	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	80.000	549	43.920.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	279/QĐ-BVAG
248	Agifuros	Furosemid	40mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 25 viên	36 tháng	893110255223	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	1.200.000	83	99.600.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
249	Verospiron	Spirolacton	50mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	60 tháng	VN-19163-15	Gedeon Richter Plc	Hungary	Viên	120.000	4.935	592.200.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	279/QĐ-BVAG
250	Spirovell	Spirolacton	25mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 chai 100 viên	24 tháng	640110350424	Orion Corporation/ Orion Pharma (Cơ sở chịu trách nhiệm xuất xưởng: Orion Corporation/ Orion Pharma (Địa chỉ: Joensuukatu 7 FI-24100 Salo, Finland))	Phần Lan	Viên	280.000	3.100	868.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	279/QĐ-BVAG
251	Entacron 25	Spirolacton	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	893110541824	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	1.400.000	1.596	2.234.400.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA	279/QĐ-BVAG
252	Spirolacton	Spirolacton	25mg	Uống	Viên nén	Chai 200 viên	36 tháng	VD-34696-20	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	370.000	306	113.220.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
253	Misanlugel	Aluminum phosphat	20%/12,4g	Uống	hỗn dịch uống	Hộp 26 gói x 20g	36 tháng	893100473624	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Gói	54.000	1.890	102.060.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT (Tên mới: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÙNG NHẬT)	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
254	Dimezulen	Guaiazulen + dimethicon	4mg + 300mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 3 vi x 10 viên, vi Alu/PVC; Hộp 3 vi x 10 viên, vi Alu/PVC-PVDC	24 tháng	893100282925	Công ty Cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Viên	100.000	4.000	400.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - PHÁP	279/QĐ-BVAG
255	Pepsia	Guaiazulen + Dimethicon	4mg/10g + 3000mg/10g	Uống	Thuốc uống dạng gel	Hộp 30 gói x 10g	24 tháng	893100027400	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	Gói	91.000	3.500	318.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HELIOS	279/QĐ-BVAG
256	Savi Lansoprazole 30	Lansoprazol	30mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	VD-21353-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	500.000	1.200	600.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	279/QĐ-BVAG
257	Hadulanso 30	Lansoprazol	30mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong ruột	Hộp 2 vi x 7 viên; Hộp 4 vi x 7 viên; Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	893110338700	Nhà máy HDPHARMA EU – Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Viên	200.000	1.394	278.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN AMERIVER VIỆT NAM	279/QĐ-BVAG
258	Gelactive	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	400mg + 300mg	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 10ml	36 tháng	893110345524	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	Gói	102.000	2.394	244.188.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	279/QĐ-BVAG
259	LC Lucid	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	1300mg + 3384mg	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 10g	36 tháng	893100162425 (VD-34083-20)	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai	Việt Nam	Gói	105.000	3.200	336.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN KHANAPHAR	279/QĐ-BVAG
260	Simegaz Plus	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	(800mg + 610mg + 80mg)/10ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 10ml	24 tháng	893100850524 (VD-33504-19)	Công ty cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Gói	80.000	3.250	260.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH AN	279/QĐ-BVAG
261	Hamigel-S	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	(800,4mg + 3058,83mg + 80mg) /10ml	Uống	hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 10ml	36 tháng	VD-36243-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Gói	155.000	3.381	524.055.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT (Tên mới: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÙNG NHẤT)	279/QĐ-BVAG
262	Omevin	Omeprazol	40mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	24 tháng	893110374823	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ	7.500	5.700	42.750.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	279/QĐ-BVAG
263	Kagasdine	Omeprazol	20mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong ruột	Chai 1000 viên	36 tháng	893110136825	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	363.000	131	47.553.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
264	Vacoomex 40	Omeprazol	40mg	Uống	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	Chai 500 viên	24 tháng	893110324224	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	Viên	300.000	252	75.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
265	A.T Esomeprazol 20 inj	Esomeprazol	20mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm + 1 ống dung môi 5ml; Hộp 3 lọ bột đông khô pha tiêm + 3 ống dung môi 5ml; Hộp 5 lọ bột đông khô pha tiêm + 5 ống dung môi 5ml	24 tháng	893110147424	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Lọ	2.000	19.000	38.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT ÂU	279/QĐ-BVAG
266	Vinxium	Esomeprazol	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 5 lọ + 5 ống dung môi NaCl 0,9% 5ml	36 tháng	VD-22552-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ	2.000	7.350	14.700.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	279/QĐ-BVAG
267	Stadnex 20 CAP	Esomeprazol	20mg	Uống	viên nang cứng chứa pellet tan trong ruột	Hộp 4 vi x 7 viên, Hộp 8 vi x 7 viên, Hộp 10 vi x 7 viên	36 tháng	893110193624	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	270.000	2.890	780.300.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHUỖNG DUY	279/QĐ-BVAG
268	Nolpaza 20MG	Pantoprazol	20mg	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	Hộp 2 vi x 14 viên	36 tháng	383110026125 (VN-22133-19)	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	100.000	5.800	580.000.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
269	Dogastrol 40mg	Pantoprazol	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 6 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên, Chai 100 viên, Chai 200 viên, Chai 250 viên, Chai 500 viên	36 tháng	893110085924 (VD-22618-15)	Công ty CP SX - TM dược phẩm Đông Nam	Việt Nam	Viên	500.000	750	375.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	279/QĐ-BVAG
270	Pantoprazol	Pantoprazol	40mg	Uống	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	Chai 1000 viên	36 tháng	893110362725 (VD-21315-14)	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	360.000	286	102.960.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
271	Domreme	Domperidon	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	60 tháng	529110073023	Remedica Ltd	Cyprus	Viên	150.000	1.200	180.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẬT ANH	279/QĐ-BVAG
272	Vacodomtium 10	Domperidon	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Chai 1000 viên	36 tháng	893110037800	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	Viên	200.000	52	10.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	279/QĐ-BVAG
273	ELITAN 10MG/2ML	Metoclopramid	10mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch	Hộp chứa 2 vi x 5 ống x 2ml	60 tháng	VN-19239-15	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	Ống	6.000	14.200	85.200.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
274	Spas- Agi	Alverin citrat	40mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110431724	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	8.000	160	1.280.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
275	Sorbitol 5g	Sorbitol	5g	Uống	Thuốc bột pha dung dịch uống	Hộp 25 gói x 5g	36 tháng	893100685724	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Gói	30.000	525	15.750.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	279/QĐ-BVAG
276	Cadismectite	Diocetahedral smectit	3000mg	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 30 gói	36 tháng	893100183024	Công ty cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Gói	8.000	1.240	9.920.000	CÔNG TY CỔ PHẦN REXTON	279/QĐ-BVAG
277	Lacbiosyn	Lactobacillus acidophilus	10^8 CFU	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 100 gói	36 tháng	QLSP-851-15	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Gói	57.000	882	50.274.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	279/QĐ-BVAG
278	Dopolys	Cao ginkgo biloba + heptaminol clohydrat + troxerutin	7mg + 150mg + 150mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VD3-172-22	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Viên	110.000	2.980	327.800.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
279	Pelethrocine	Diosmin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 02 vi x 15 viên	36 tháng	520110016123	Help S.A.	Greece	Viên	140.000	6.100	854.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC MỸ PHẨM THÁI NHÃN	279/QĐ-BVAG
280	TRIXOVIN	Diosmin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi, 5 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên; Hộp 2 vi, 3 vi, 5 vi x 15 viên	36 tháng	893110106000	Công ty CP dược Phúc Vinh	Việt Nam	Viên	100.000	4.200	420.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VẠN KHANG	279/QĐ-BVAG
281	Venokern 500mg viên nén bao phim	Diosmin + Hesperidin	450mg + 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	60 tháng	840110521124	Kern Pharma S.L.	Spain	Viên	480.000	3.200	1.536.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	279/QĐ-BVAG
282	Diosce	Diosmin + hesperidin	450mg + 50mg	Uống	Viên	Hộp 6 vi x 10 viên	36 tháng	893100399825	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM LA TERRE FRANCE	Việt Nam	Viên	370.000	600	222.000.000	CÔNG TY TNHH MTV LA TERRE FRANCE ID	279/QĐ-BVAG
283	Pancreas	Amylase + lipase + protease	Pancreatin 170mg (tương ứng với Protease 238IU, Lipase 3400IU, Amylase 4080IU)	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	VD-25570-16	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Việt Nam	Viên	100.000	3.000	300.000.000	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm PVN	279/QĐ-BVAG
284	Itomed	Itoprid	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi, 2 vi, 5 vi x 20 viên. Hộp 2 vi, 6 vi x 15 viên	36 tháng	VN-23045-22	Pro.Med.CS Praha a.s	Czech Republic	Viên	10.000	4.400	44.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HELIOS	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	ĐK/LH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
285	Espumisan Capsules	Simethicon	40mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 2 vi x 25 viên	36 tháng	400100083623	CSSX: Catalent Germany Eberbach GmbH; CSDG và xuất xưởng: Berlin Chemie AG	CSSX: Đức; CSDG và xuất xưởng: Đức	Viên	40.000	879	35.160.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
286	Silymarin VCP	Silymarin	140mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893200192725 (VD-31241-18)	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	Việt Nam	Viên	103.000	965	99.395.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	279/QĐ-BVAG
287	Agitritine 200	Trimebutine maleat	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi, 3 vi, 4 vi, 5 vi, 6 vi, 8 vi, 10 vi, 12 vi, 15 vi x 10 viên	36 tháng	893110233925	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	2.000	535	1.070.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
288	Depaxan	Dexamethason	4mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	36 tháng	VN-21697-19	Rompharm Company S.r.l	Rumani	Ống	800	24.000	19.200.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
289	Vinphason	Hydrocortison	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 10 lọ x 10 ống dung môi 2ml	36 tháng	893110219823	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ	3.000	7.000	21.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	279/QĐ-BVAG
290	ID-Arsolone 4	Methyl prednisolon	4mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	893110310300 (VD-30387-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	30.000	950	28.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN AFP GIA VŨ	279/QĐ-BVAG
291	Kapredin	Methyl prednisolon	16mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên	36 tháng	893110154323	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	60.000	482	28.920.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
292	Pdsolone-125 mg	Methyl prednisolon	125mg	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	36 tháng	890110034425 (VN-21913-19)	Swiss Parenterals Ltd.	Ấn Độ	Lọ	350	47.500	16.625.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THỦY	279/QĐ-BVAG
293	Predni Hera Dr 5	Prednisolon acetat (natri phosphate)	5mg	Uống	viên nén bao tan trong ruột	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110375724	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera	Việt Nam	viên	6.000	1.974	11.844.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÍN ĐỨC	279/QĐ-BVAG
294	Forxiga	Dapagliflozin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 14 viên	36 tháng	VN3-37-18	CSSX: AstraZeneca Pharmaceuticals LP; CSDG và xuất xưởng lô: AstraZeneca UK Ltd	CSSX: Mỹ, CSDG và xuất xưởng lô: Anh	Viên	450.000	19.000	8.550.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
295	Jardiance	Empagliflozin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VN2-605-17	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Viên	100.000	23.072	2.307.200.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
296	Jardiance	Empagliflozin	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VN2-606-17	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Viên	4.000	26.533	106.132.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG
297	Glumeben 500mg/2,5mg	Glibenclamid + metformin	2,5mg + 500mg	Uống	Viên nén bao phim	hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VD-24598-16	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên	150.000	1.260	189.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	279/QĐ-BVAG
298	Glumeben 500mg/2,5mg	Glibenclamid + metformin	2,5mg + 500mg	Uống	Viên nén bao phim	hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VD-24598-16	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên	53.000	1.260	66.780.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	279/QĐ-BVAG
299	Golddicron	Gliclazid	30mg	Uống	Viên nén giải phóng có kiểm soát	Hộp 5 vi x 20 viên	36 tháng	800110402523	Cơ sở sản xuất bán thành phẩm: Valpharma International S.P.A (Cơ sở xuất xưởng lớn: Lamp San Prospero SPA (Địa chỉ: Via Della Pace, 25/A-41030 San Prospero (MO), Italy))	Italy	viên	260.000	2.600	676.000.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HÙNG THỊNH	279/QĐ-BVAG
300	Glumeron 30 MR	Gliclazid	30mg	Uống	viên nén giải phóng có kiểm soát	hộp 5 vi x 20 viên	24 tháng	893110268923	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên	600.000	460	276.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	279/QĐ-BVAG
301	Dorocron MR 30 mg	Gliclazid	30mg	Uống	Viên nén giải phóng có biến đổi	Hộp 2 vi x 30 viên	36 tháng	VD-26466-17	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	Viên	745.000	279	207.855.000	CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	279/QĐ-BVAG
302	Dorocron MR 30 mg	Gliclazid	30mg	Uống	Viên nén giải phóng có biến đổi	Hộp 2 vi x 30 viên	36 tháng	VD-26466-17	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	Viên	660.000	279	184.140.000	CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	279/QĐ-BVAG
303	Gly4par 60	Gliclazid	60mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	890110999124	Inventia Healthcare Limited	India	Viên	332.000	1.200	398.400.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	279/QĐ-BVAG
304	Gluzitop MR 60	Gliclazid	60mg	Uống	Viên nén tác dụng kéo dài	Hộp 02 vi x 30 viên; Hộp 05 vi x 30 viên; Hộp 10 vi x 30 viên	36 tháng	893110208923	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	556.000	567	315.252.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
305	Diaprid 2	Glimepirid	2mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vi x 15 viên	36 tháng	893110178224 (VD-24959-16)	Công Ty Cổ Phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	200.000	950	190.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM & THIẾT BỊ Y TẾ PHÚC LỘC	279/QĐ-BVAG
306	Diaprid 4	Glimepirid	4mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vi x 15 viên	36 tháng	893110178324 (VD-25889-16)	Công Ty Cổ Phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	240.000	920	220.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO	279/QĐ-BVAG
307	Perglim M-2	Glimepirid + Metformin	2mg + 500mg	Uống	Viên nén phóng thích chậm	Hộp 5 vi x 20 viên	24 tháng	890110035223	Inventia Healthcare Limited	India	Viên	180.000	2.989	538.020.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	279/QĐ-BVAG
308	Comiaryl 2mg/500mg	Glimepirid + metformin	2mg + 500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110617124	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	1.800.000	2.247	4.044.600.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	279/QĐ-BVAG
309	Toujeo Solostar	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine,Determir, Degludec)	300 IU/ml; 1,5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm nạp sẵn thuốc x 1,5ml	30 tháng	400410304624	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	Bút tiêm	2.500	415.000	1.037.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	279/QĐ-BVAG
310	Humalog Mix 75/25 Kwikpen	Insulin analog trộn, hỗn hợp	Mỗi 3ml chứa: Insulin lispro (trong đó 25% là dung dịch insulin lispro và 75% là hỗn dịch insulin lispro protamine) 300U (tương đương 10,5mg)/3ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	36 tháng	QLSP-1088-18	Lilly France	Pháp	Bút tiêm	10.000	198.000	1.980.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG
311	Humalog Mix 50/50 Kwikpen	Insulin analog trộn, hỗn hợp	Mỗi 3ml chứa: Insulin lispro (trong đó 50% là dung dịch insulin lispro và 50% là hỗn dịch insulin lispro protamine) 300U (tương đương 10,5mg)/3ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	36 tháng	300410177600	Cơ sở sản xuất ống thuốc: Lilly France	Pháp	Bút tiêm	3.000	198.000	594.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG
312	NovoMix 30 FlexPen	Insulin analog trộn, hỗn hợp	100U/1ml (30/70 (tương đương 3,5 mg))	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn x 3ml (15 kim kèm theo)	24 tháng	300410179000	Novo Nordisk Production SAS	Pháp	Bút tiêm	3.000	200.508	601.524.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG
313	Scilin M30 (30/70)	Insulin người trộn, hỗn hợp	100IU/ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 5 ống x 3ml	36 tháng	590410647424	Bioton S.A.	Ba Lan	Ống	27.000	95.000	2.565.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
314	Wosulin 30/70	Insulin người trộn, hỗn hợp	100IU/ml x 3ml	Tiêm	Dung Dịch Tiêm	Hộp 1 ống 3ml	24 tháng	890410177200 (VN-13913-11)	Wockhardt Limited	Ấn Độ	Ông	24.000	78.000	1.872.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ 2B	279/QĐ-BVAG
315	Trajenta	Linagliptin	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VN-17273-13	West - Ward Columbus Inc.	Mỹ	Viên	7.700	16.156	124.401.200	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG
316	Metformin 500	Metformin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	36 tháng	VN-20289-17	Lek S.A	Ba Lan	Viên	210.000	435	91.350.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
317	Glucophage XR 500mg	Metformin	500mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 4 vi x 15 viên	36 tháng	300110789924 (VN-22170-19)	Merck Sante s.a.s	Pháp	Viên	200.000	2.338	467.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
318	Metformin 500mg	Metformin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 20 vi x 10 viên	36 tháng	893110230800 (VD-33619-19)	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	745.000	141	105.045.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	279/QĐ-BVAG
319	Metformin XR 500	Metformin	500mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110455523	Công ty cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	763.000	595	453.985.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	279/QĐ-BVAG
320	Metformin 500mg	Metformin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 20 vi x 10 viên	36 tháng	893110230800 (VD-33619-19)	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	700.000	141	98.700.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	279/QĐ-BVAG
321	Glucophage XR 750mg	Metformin	750mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vi x 15 viên	36 tháng	300110016424	Merck Sante s.a.s	Pháp	Viên	480.000	3.677	1.764.960.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
322	Cobimet XR 750	Metformin	750mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên; Hộp 1 lọ x 30 viên; Lọ 30 viên, 60 viên, 100 viên, 200 viên	30 tháng	893110332800	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	Viên	148.000	760	112.480.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV	279/QĐ-BVAG
323	Cobimet XR 750	Metformin	750mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên; Hộp 1 lọ x 30 viên; Lọ 30 viên, 60 viên, 100 viên, 200 viên	30 tháng	893110332800	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	Viên	50.000	760	38.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV	279/QĐ-BVAG
324	Metsav 850	Metformin	850mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	60 tháng	893110163724	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	500.000	575	287.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	279/QĐ-BVAG
325	Metformin 850mg	Metformin	850mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vi x 15 viên	36 tháng	893110294000	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	Viên	291.000	170	49.470.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO	279/QĐ-BVAG
326	Metformin	Metformin	1000mg	Uống	Viên bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110443424 (VD-31992-19)	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	400.000	448	179.200.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
327	DH-Metglu XR 1000	Metformin	1000mg	Uống	viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 5 vi, 10 vi x 10 viên	36 tháng	VD-27507-17	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	2.160.000	924	1.995.840.000	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	279/QĐ-BVAG
328	Bividia 100	Sitagliptin	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên (vi nhôm - nhôm hoặc nhôm - PVC). Hộp 1 chai 60 viên (Chai nhựa HDPE) Hộp 6 vi, 10 vi x 10 viên (vi nhôm - nhôm/PVC)	36 tháng	893110557424 (VD-33064-19)	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC PHẨM RELIV	Việt Nam	viên	2.000	12.000	24.000.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC KHÁNH	279/QĐ-BVAG
329	Mocramide 50mg	Vildagliptin	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	30 tháng	893610358424	(Cơ sở nhận gia công): Công ty TNHH Medochemie (Viên Đông)	Việt Nam	Viên	12.000	7.000	84.000.000	CÔNG TY TNHH SK QUỐC TẾ	279/QĐ-BVAG
330	Luciwif	Vildagliptin	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 06 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên, Hộp 02 vi x 14 viên, Hộp 04 vi x 14 viên, Hộp 05 vi x 14 viên	36 tháng	893110324100	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	16.000	651	10.416.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	279/QĐ-BVAG
331	Galza - Met 50/850 Tablets	Vildagliptin + metformin	50mg + 850mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 7 viên	24 tháng	893110088200	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi (Cơ sở đóng gói cấp 2)	Việt Nam	Viên	15.000	6.300	94.500.000	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM SONG VIỆT	279/QĐ-BVAG
332	Galvus Met 50mg/850mg	Vildagliptin + metformin	50mg + 850mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	18 tháng	400110771924	Cơ sở sản xuất: Novartis Pharma Produktions GmbH; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Lek Pharmaceuticals d.d., Poslovna enota PROIZVODNJA LENDAVA	Cơ sở sản xuất: Đức; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Slovenia	Viên	15.000	9.274	139.110.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
333	Duobivent	Vildagliptin + metformin	50mg + 1000mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	893110238523	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	Viên	24.000	6.300	151.200.000	CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC - MIỀN NAM	279/QĐ-BVAG
334	Visdazul 50mg/1000mg	Vildagliptin + metformin	50mg + 1000mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	18 tháng	893110081525	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Viên	24.000	6.300	151.200.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC PHẨM HIỆP BÁCH NIÊN	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
335	Ryzonal	Eperison	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên, nhôm-nhôm; Hộp 10 vi x 10 viên, PVC/nhôm	36 tháng	893110663724 (VD-27451-17)	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	9.000	390	3.510.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	279/QĐ-BVAG
336	Divaser-F	Betahistin	16mg	Uống	Viên nén	Hộp 4 vi x 7 viên	36 tháng	893110313324	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	800.000	360	288.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	279/QĐ-BVAG
337	Betahistin	Betahistin	16mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 25 viên	36 tháng	VD-34690-20	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	1.000.000	163	163.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
338	Betixtin	Betahistin	24mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	594110298525	Antibiotice SA	Romania	Viên	150.000	5.616	842.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÃ	279/QĐ-BVAG
339	Betagen 24	Betahistin	24mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 14 viên	36 tháng	VN-23075-22	Gpax Pharmaceuticals Private Limited	India	Viên	100.000	2.940	294.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NAM KHANG	279/QĐ-BVAG
340	Agihisitne 24	Betahistin	24mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vi, 3 vi, 5 vi x 10 viên	36 tháng	893110263900	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	300.000	2.780	834.000.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
341	Stresam	Etifoxin chlohydrat	50mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 20 viên	36 tháng	VN-21988-19	Biocodex	Pháp	Viên	10.000	3.300	33.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG
342	Etifoxin MCN 50	Etifoxin chlohydrat	50mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	30 tháng	893110153200	Công Ty Cổ Phần Medcen	Việt Nam	Viên	30.000	3.150	94.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂY SƠN	279/QĐ-BVAG
343	Rotundin 60	Rotundin	60mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên	36 tháng	893110102624	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	30.000	620	18.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
344	Sulpragi	Sulpirid	50mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vi, 6 vi x 10 viên	24 tháng	893110878024	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Bình Hòa	Việt Nam	Viên	6.000	130	780.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
345	Davertyl	Acetyl leucin	500mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 5 ml	36 tháng	VD-34628-20	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Ống	25.000	11.700	292.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
346	Triarocin	Acetyl leucin	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 03 vi x 10 viên	36 tháng	893100017600 (VD-34152-20)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Viên	50.000	2.793	139.650.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM	279/QĐ-BVAG
347	Pain-tavic	Acetyl leucin	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vi x 10 viên	36 tháng	893100698024 (VD-30195-18)	Công ty TNHH MTV dược phẩm 150 Cophavina	Việt Nam	Viên	200.000	2.400	480.000.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
348	Gliatilin	Choline alfoscerat	1000mg/4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống 4ml	60 tháng	VN-13244-11	Italfarmaco S.P.A	Ý	Ống	4.000	69.300	277.200.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
349	Apratam	Piracetam	400mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	594110027825	Arena Group S.A.	Romania	viên	180.000	1.600	288.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÍN ĐỨC	279/QĐ-BVAG
350	Piracetam 400	Piracetam	400mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vi x 10 viên	36 tháng	893110213123	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Viên	350.000	819	286.650.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM	279/QĐ-BVAG
351	Agicetam 400	Piracetam	400mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110429024	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Bình Hòa	Việt Nam	Viên	420.000	205	86.100.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
352	Kacetam	Piracetam	800mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 50 vi x 10 viên, vi nhôm/PVC	36 tháng	VD-34693-20	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	900.000	381	342.900.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
353	Piracetam 800	Piracetam	800mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	VD-20985-14	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.400.000	1.197	1.675.800.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	279/QĐ-BVAG
354	BaburoI	Bambuterol	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	893110380824	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	40.000	265	10.600.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
355	Pulmicort Respules	Budesonid	1mg/2ml	Đường hô hấp	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	24 tháng	730110131924	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Ống	30.000	24.906	747.180.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	279/QĐ-BVAG
356	Besmate Inhalation Solution	Salbutamol + ipratropium	(2,5mg + 0,5mg)/2,5ml	Khí dung	Dung dịch khí dung	Hộp 10 gói x 10 lọ, mỗi lọ 2,5ml	36 tháng	471115348724	Taiwan Biotech Co., Ltd	Đài Loan	Lọ	10.000	15.600	156.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
357	Salbutamol 2,5 mg Và Ipratropium Bromid 0,5 mg	Salbutamol + ipratropium	(2,5mg + 0,5mg)/2,5ml	Khí dung	Dung dịch khí dung	Hộp 2 túi x 1 vi x 5 ống x 2,5ml	36 tháng	893115264625	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ông	20.000	10.930	218.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	279/QĐ-BVAG
358	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	Salmeterol + fluticason propionat	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticasone propionate (dạng micronised) 125mcg	Dạng hít	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	Hộp 1 bình 120 liều xịt	24 tháng	840110784024	Glaxo Wellcome S.A.	Spain	Bình xịt	280	210.176	58.849.280	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
359	Ambroxol	Ambroxol	30mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110437824 (VD-31730-19)	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	80.000	86	6.880.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
360	Terp-cod	Codein + terpin hydrat	10mg; 100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 5 vi x 15 viên	36 tháng	893101272800	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	Viên	5.000	503	2.515.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	279/QĐ-BVAG
361	Acecyst	N-acetylcystein	200mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	24 tháng	893100131425 (VD-25112-16)	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Bình Hòa	Việt Nam	Viên	93.000	155	14.415.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
362	Kadium chloratum biomedica	Kali clorid	500mg	Uống	Viên	Hộp 10 vi x 10 viên nén bao phim	36 tháng	VN-14110-11	Biomedica, spol.s.r.o	Czech Republic	Viên	70.000	1.785	124.950.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
363	Kali Clorid	Kali clorid	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110627524	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Việt Nam	Viên	70.000	800	56.000.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
364	MEYERAPA GIL	Magnesi aspartat + kali aspartat	140mg + 158mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	VD-34036-20	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	Viên	60.000	1.100	66.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN SANTAV	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
365	Amiparen 10%	Acid amin*	Mỗi 200ml dung dịch chứa: L- Tyrosine 0,1g; L- Aspartic Acid 0,2g; L- Glutamic Acid 0,2g; L- Cysteine 0,2g; L- Methionine 0,78g; L- Serine 0,6g; L- Histidine 1g; L- Proline 1g; L- Threonine 1,14g; L- Phenylalanine 1,4g; L- Isoleucine 1,6g; L- Valine 1,6g; L- Alanine 1,6g; L- Arginine 2,1g; L- Leucine 2,8g; Glycine 1,18g; L- Lysine Acetate (tương đương L- Lysine) 2,96 (2,1)g; L- Tryptophan 0,4g	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 20 túi x 200 ml	24 tháng	893110453623	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam.	Việt Nam	Túi	2.800	63.000	176.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	279/QĐ-BVAG
366	Amiparen 5%	Acid amin*	Mỗi 200ml dung dịch chứa: L- Tyrosine 0,05g; L- Aspartic Acid 0,1g; L- Glutamic Acid 0,1g; L- Serine 0,3g; L- Methionine 0,39g; L- Histidine 0,5g; L- Proline 0,5g; L- Threonine 0,57g; L- Phenylalanine 0,7g; L- Isoleucine 0,8g; L- Valine 0,8g; L- Alanine 0,8g; L- Arginine 1,05g; L- Leucine 1,4g; Glycine 0,59g; L- Lysine Acetate (tương đương L- Lysine) 1,48 (1,05)g; L- Tryptophan 0,2g; L- Cysteine 0,1g	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 20 túi x 200ml	24 tháng	893110453723	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam.	Việt Nam	Túi	400	53.000	21.200.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
367	Neoamiyu	Acid amin*	(L-Isoleucine 1,500gam + L-Leucine 2,000gam + L-Lysin acetat 1,400gam + L-Methionine 1,000gam + L-Phenylalanine 1,000gam + L-Threonine 0,500gam + L-Tryptophan 0,500gam + L-Valine 1,500gam + L-Alanine 0,600gam + L-Arginine 0,600gam + L-Aspartic acid 0,050gam + L-Glutamic acid 0,050gam + L-Histidine 0,500gam + L-Proline 0,400gam + L-Serine 0,200gam + L-Tyrosine 0,100gam + Glycine 0,200gam) 200ml	Tiêm truyền	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi 200ml	36 tháng	VN-16106-13	Ay Pharmaceuticals Co., Ltd	Nhật	Túi	1.000	116.258	116.258.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG
368	Kidmin	Acid amin*	Mỗi 200 ml dung dịch chứa: L-Tyrosine 0,1 g; L-Aspartic Acid 0,2 g; L-Glutamic Acid 0,2 g; L-Cysteine 0,2 g; L-Methionine 0,6 g; L-Serine 0,6 g; L-Histidine 0,7 g; L-Proline 0,6 g; L-Threonine 0,7 g; L-Phenylalanine 1g; L-Isoleucine 1,8 g; L-Valine 2 g; L-Alanine 0,5 g; L-Arginine 0,9 g; L-Leucine 2,8 g; L-Lysine Acetate 1,42 g (tương đương L-Lysine 1,01 g); L-Tryptophan 0,5 g	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 20 túi x 200 ml	24 tháng	VD-35943-22	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam.	Việt Nam	Túi	100	115.000	11.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
369	Aminoleban	Acid amin*	1000 2000mg dung dịch chứa: L-Cysteine.HCl.H2O (tương đương L-Cysteine) 0,08g (0,06g); L-Methionine 0,2 gam; Glycine 1,8g; L-Tryptophan 0,14g; L-Serine 1g; L-Histidine.HCl.H2O (tương đương L-Histidine) 0,64g (0,47); L-Proline 1,6g; L-Threonine 0,9g; L-Phenylalanine 0,2g; L-Isoleucine 1,8g; L-Valine 1,68g; L-Alanine 1,5g; L-Arginine.HCl (tương đương L-Arginine) 1,46g (1,21); L-Leucine 2,2g; L-Lysine.HCl (tương đương L-Lysine) 1,52g (1,22)	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 20 túi x 200 ml	30 tháng	VD-36020-22	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam.	Việt Nam	Túi	100	104.000	10.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	279/QĐ-BVAG
370	Calci Clorid 0,5g/5ml	Calci clorid	500mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 100 ống x 5ml	60 tháng	893110710824	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Ống	500	819	409.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	279/QĐ-BVAG
371	Glucose 5%	Glucose	25g/ 500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml, thùng 20 chai	36 tháng	VD-35954-22	Công ty Cổ phần IVC	Việt Nam	Chai	3.000	7.000	21.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHÚ PHI	279/QĐ-BVAG
372	Glucose 30%	Glucose	30%/250ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	24 tháng	VD-23167-15	Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	3.000	12.890	38.670.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN MAI	279/QĐ-BVAG
373	Kali clorid 10%	Kali clorid	1g/10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 10 vi x 5 ống x 10ml	36 tháng	893110375223	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	100.000	1.850	185.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	279/QĐ-BVAG
374	Magnesi sulfat Kabi 15%	Magnesi sulfat	1,5g/10ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	Hộp 50 ống x 10ml	36 tháng	VD-19567-13	Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Ống	10.000	2.900	29.000.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN MAI	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
375	Manitol 20%	Manitol	Manitol 20%(kl/tt)	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	36 tháng	893110452724	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Chai	1.800	19.100	34.380.000	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	279/QĐ-BVAG
376	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	900mg/ 100ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Túi 100ml	24 tháng	893110615324	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	Túi	50.000	4.048	202.400.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRƯỜNG KHANG	279/QĐ-BVAG
377	Sodium Chloride Injection	Natri Clorid	0,9% 500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 30 chai 500ml	36 tháng	690110784224 (VN-21747-19)	Sichuan Kelun Pharmaceutical Co., Ltd	China	Chai	40.000	12.495	499.800.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ Y TẾ HOÀN VŨ	279/QĐ-BVAG
378	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Natri clorid 0,9g	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai x 500ml	24 tháng	893110118423	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	150.000	6.050	907.500.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
379	Natri clorid 3%	Natri clorid	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Natri clorid 3g	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 80 chai x 100ml	24 tháng	893110118723	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	4.500	6.610	29.745.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
380	Natri clorid 0,45%	Natri clorid	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Natri clorid 0,45g	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai x 500ml	24 tháng	893110118623	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	500	10.500	5.250.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
381	Lipovenoes 10% PLR	Nhũ dịch lipid	10%, 250ml	Tiêm truyền	Nhũ tương tiêm truyền	Thùng 10 chai 250ml	18 tháng	900110782324	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Chai	300	118.235	35.470.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
382	Smoflipid 20%	Nhũ dịch lipid	20%, 250ml	Tiêm truyền	Nhũ tương tiêm truyền	Thùng 10 chai 250 ml	18 tháng	VN-19955-16	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Chai	50	170.000	8.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	279/QĐ-BVAG
383	Lactated Ringer's	Ringer Lactat	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Natri clorid 3g, Natri lactat 1,55g, Kali clorid 0,15g, Calci clorid dihydrat 0,1g	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai x 500ml	24 tháng	893110118323	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	1.000	6.500	6.500.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
384	Ringer's Acetate	Ringer acetat	Mỗi túi 500ml chứa: Sodium chloride 3gam, Calcium Chloride.2H2O (tương đương Calcium chloride 0,08g) 0,1gam, Potassium Chloride 0,15gam, Sodium Acetate.3H2O (tương đương Sodium acetate 1,15g) 1,9gam	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 20 túi 500 ml	36 tháng	893110056323	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam.	Việt Nam	Túi	400	19.800	7.920.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
385	Nước cất pha tiêm 5ml	Nước cất pha tiêm	5ml	Tiêm	Dung môi pha tiêm	Hộp 50 ống x 5ml	48 tháng	893110124925 (VD-31299-18)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Ống	150.000	500	75.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	279/QĐ-BVAG
386	Nước cất pha tiêm	Nước cất pha tiêm	100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml	36 tháng	VD-23172-15	Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	1.500	5.370	8.055.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN MAI	279/QĐ-BVAG
387	Nước cất pha tiêm	Nước cất pha tiêm	500ml	Tiêm	Dung môi pha tiêm	Thùng 20 chai x 500ml	24 tháng	893110118823	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	700	6.210	4.347.000	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	279/QĐ-BVAG
388	Totcal Soft capsule	Calci carbonat + vitamin D3	750mg + 100IU	Uống	Viên nang mềm	Hộp 20 vi x 5 viên	36 tháng	880100007900 (VN-20600-17)	Dongkoo Bio & Pharma Co., Ltd	Hàn Quốc	Viên	35.000	3.900	136.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	279/QĐ-BVAG
389	Caldihasan	Calci carbonat + vitamin D3	1250mg + 125IU	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VD-34896-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	100.000	840	84.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	279/QĐ-BVAG
390	Orthopa Chew	Calci carbonat + vitamin D3	1250mg + 400IU	Uống	Viên nén nhai	Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên; Hộp 4 tuýp x 15 viên	36 tháng	VD-34975-21	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	Viên	30.000	1.490	44.700.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO	279/QĐ-BVAG
391	Natecal D3	Calci carbonat + vitamin D3	Calci nguyên tố (dưới dạng Calci carbonat 1500mg)600mg + Cholecalciferol (Vitamin D3)400IU	Uống	Viên nén rã trong miệng	Hộp 1 chai 60 viên	24 tháng	800100014724	Italfarmaco S.p.A.	Ý	Viên	30.000	4.000	120.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	279/QĐ-BVAG
392	Calcium Lactate 300 Tablets	Calci lactat	300mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	60 tháng	529100427323	Remedica Ltd	Cyprus	Viên	25.000	2.500	62.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	279/QĐ-BVAG
393	Calcium	Calci lactat	300mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên	36 tháng	893100848324 (VD-33457-19)	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	30.000	233	6.990.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	279/QĐ-BVAG
394	Calcitriol	Calcitriol	0,25mcg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 1 vi x 30 viên, hộp 3 vi x 30 viên	36 tháng	893110153924	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	viên	90.000	280	25.200.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY	279/QĐ-BVAG
395	Vitamin B1B6B12	Vitamin B1 + B6 + B12	115mg + 115mg + 50mcg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893100471924 (VD-30721-18)	Công ty cổ phần Sản Xuất - Thương Mại Dược Phẩm Đông Nam	Việt Nam	Viên	20.000	950	19.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC HỒNG LỘC PHÁT	279/QĐ-BVAG
396	Cosyndo B	Vitamin B1 + B6 + B12	175mg + 175mg + 125mcg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	893110342324	Công ty TNHH Một thành viên 120 Armephaco	Việt Nam	Viên	20.000	1.100	22.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN REXTON	279/QĐ-BVAG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
397	Dubemin Injection	Vitamin B1 + B6 + B12	(100mg + 100mg + 1mg)/3ml	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Hộp 1 vi x 5 ống x 3ml	24 tháng	894110784824 (VN-20721-17)	Incepta Pharmaceuticals Ltd	Bangladesh	Ống	2.400	13.500	32.400.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ Y TẾ DƯỢC VIỆT	279/QĐ-BVAG
398	Vinrovit 5000	Vitamin B1 + B6 + B12	50mg+250mg+5mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 4 lọ + 4 ống dung môi	36 tháng	893110395523	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ	2.400	7.000	16.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	279/QĐ-BVAG
399	Magisix	Vitamin B6 + magnesi lactat	5mg + 470mg +5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi, 3 vi, 4 vi, 5 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	24 tháng	893110431324	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Bình Hòa	Việt Nam	Viên	10.000	103	1.030.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	279/QĐ-BVAG
400	B12 Ankermann	Vitamin B12 (cyanocobalamin, hydroxocobalamin)	1000mcg	Uống	Viên nén bao đường	Hộp 2 vi x 25 viên	24 tháng	VN-22696-20	Artesan Pharma GmbH & Co., KG	Đức	Viên	10.000	7.000	70.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ THĂNG LONG SÀI GÒN	279/QĐ-BVAG
401	Cevit 500	Vitamin C	500mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 100 ống x 5ml	24 tháng	893110296200 (VD-23690-15)	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	Việt Nam	Ống	14.000	1.323	18.522.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	279/QĐ-BVAG
402	Wosulin-R	Insulin người	40IU/ml x 10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 10ml	24 tháng	890410092323 (VN-13426-11)	Wockhardt Limited	Ấn Độ	Lọ	170	92.000	15.640.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ PHƯƠNG	121/QĐ-BVTM
403	Rocuronium Kabi 10mg/ml	Rocuronium bromide	(10mg/ml) x 5ml	Tiêm hoặc Truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 10 lọ x 5ml	24 tháng	VN-22745-21	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Lọ	70	87.300	6.111.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	121/QĐ-BVTM
404	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticasone propionate (dạng micronised) 125mcg	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticasone propionate (dạng micronised) 125mcg	Hít qua đường miệng	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	Hộp 1 bình 120 liều xịt	24 tháng	840110784024	Glaxo Wellcome S.A.	Spain	Bình xịt	280	210.176	58.849.280	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	121/QĐ-BVTM
405	Morphin	Morphin hydroclorid	10mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 25 ống x 1ml	36 tháng	893111093823 (VD-24315-16)	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Ống	2.000	8.925	17.850.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	121/QĐ-BVTM
406	Glyceryl trinitrate 1mg/ml	Glyceryl trinitrat (dưới dạng Glyceryl trinitrat trong glucose 1,96%: 510mg)	10mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 10ml	36 tháng	400110017625 (VN-18845-15)	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Ống	9.000	105.000	945.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	121/QĐ-BVTM

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	ĐDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
407	Duosol without potassium solution for haemofiltration	Mỗi túi 2 ngăn gồm 1 ngăn chứa 4445ml dung dịch bicarbonat và 1 ngăn chứa 555ml dung dịch điện giải: Sodium chloride (Trong ngăn 555ml); Calcium chloride dihydrate (Trong ngăn 555ml); Magnesium chloride hexahydrate (Trong ngăn 555ml); Glucose anhydrous (as glucose monohydrate) (Trong ngăn 555ml); Sodium hydrogen carbonate (Trong ngăn 4445ml); Sodium chloride (Trong ngăn 4445ml);	Túi 5000ml (gồm ngăn A chứa 555ml dung dịch điện giải và ngăn B chứa 4445ml dung dịch đệm): Ngăn A: Natriclorid 2,34gam; - Ngăn A: Calci clorid dihydrat 1,1gam; - Ngăn A: Magnesi clorid hexahydrat 0,51gam; Ngăn A: Glucose monohydrat (tương đương 5g glucose khan) 5,49gam; Ngăn B: Natriclorid 27,47gam; - Ngăn B: Natri bicarbonat 15,96gam	Tiêm truyền	Dung dịch dùng để lọc máu	Hộp 2 Túi, Túi 2 ngăn, Mỗi túi gồm 1 ngăn chứa 4445ml dung dịch bicarbonat và 1 ngăn chứa 555ml dung dịch điện giải	24 tháng	400110020123 (VN-20914-18)	B. Braun Avitum AG	Germany	Túi	600	643.000	385.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	121/QĐ-BVTM
408	NOLPAZA 20MG	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri sesquihydrate)	20mg	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	Hộp 2 vỉ x 14 viên	36 tháng	383110026125 (VN-22133-19)	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	Viên	100.000	5.750	575.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂY NAM	121/QĐ-BVTM
409	Laevolac	Mỗi 15ml chứa 10g lactulose	10g/15ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 20 gói 15ml	24 tháng	900100522324	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Gói	10.000	5.500	55.000.000	Công ty TNHH Dược và Vật Tư Y Tế Kiên Đan	121/QĐ-BVTM
410	Sodium Chloride Injection	Natri clorid	(4,5g/500ml) - 500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai nhựa 500nl	36 tháng	690110784224	Sichuan Kelun Pharmaceutical Co, Ltd	China	Chai	40.000	12.495	499.800.000	Công ty TNHH Vật Tư Y Tế Hoàn Vũ	121/QĐ-BVTM

An Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2026
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH